

Giải Toán lớp 6 SGK tập 1 trang 10 chính xác bao gồm đáp án và hướng dẫn giải chi tiết tương ứng với từng bài tập trong sách. Lời giải bài tập Toán 6 này sẽ giúp các em học sinh ôn tập các dạng bài tập có trong sách giáo khoa. Sau đây mời các em cùng tham khảo lời giải chi tiết

1. Lý thuyết Ghi số tự nhiên Toán lớp 6

1. Có mười chữ số: 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9.

Dùng mười chữ số này có thể viết được mọi số.

Một số có thể có một hoặc nhiều chữ số. Chẳng hạn số 8 là một số có một chữ số; số 2015 là số có 4 chữ số là 2; 0; 1; 5.

Khi viết một số có quá ba chữ số ta thường tách thành từng nhóm gồm ba chữ số kể từ phải sang trái để dễ đọc, chẳng hạn 5 321 608.

Trong một số, cần phân biệt chữ số hàng chục với số chục, chữ số hàng trăm với số trăm, chẳng hạn, trong số 2015, chữ số 0 là chữ số hàng trăm còn số trăm của nó là 20.

2. Trong hệ thập phân cứ 10 đơn vị ở một hàng thì làm thành 1 đơn vị ở hàng liền trước nó.

Để biểu thị một số có nhiều chữ số, chẳng hạn có bốn chữ số theo thứ tự từ trái sang phải là a, b, c, d, ta thường viết. Số này là: a nghìn, b trăm, c chục, d đơn vị.
Do đó $= a.1000 + b.100 + c.10 + d.$

3. Chữ số La Mã:

I	X	X	L	C	D	M
1	5	10	50	100	500	1000

Từ 7 chữ số này người ta thiết lập thêm các chữ số sau:

IV	IX	XL	XC	CD	CM
4	9	40	90	400	900

Giá trị của một số La Mã bằng tổng giá trị của các thành phần của nó.

Khi viết một số bằng chữ số La Mã ta viết các số từ lớn đến bé, từ trái sang phải.

Chẳng hạn: MMCDIX = 2000 + 400 + 9 = 2409.

2. Giải câu hỏi trang 9 SGK Toán lớp 6 tập 1

Hãy viết:

- Số tự nhiên lớn nhất có ba chữ số
- Số tự nhiên lớn nhất có ba chữ số khác nhau.

Đáp án:

- Số tự nhiên lớn nhất có ba chữ số là 999
- Số tự nhiên lớn nhất có ba chữ số khác nhau là 987

3. Giải bài 11 trang 10 SGK Toán lớp 6

a) Viết số tự nhiên có số chục là 135, chữ số hàng đơn vị là 7

b) Điền vào bảng:

Số đã cho	Số trăm	Chữ số hàng trăm	Số chục	Chữ số hàng chục
1425				
2307				

Phương pháp giải:

Số $abcd = abc \cdot 10 + d$

Số $abcd$ có a là chữ số hàng nghìn, b là chữ số hàng trăm, c là chữ số hàng chục, d là chữ số hàng đơn vị và có số trăm là ab , số chục là abc .

Đáp án:

a) Vì số chục là 135 và chữ số hàng đơn vị là 7 nên số cần tìm là $135 \cdot 10 + 7 = 1357$

b) Số $1425 = 14 \cdot 100 + 25 = 142 \cdot 10 + 5$ nên có số trăm là 14 và số chục là 142.

Số $2307 = 23 \cdot 100 + 7 = 230 \cdot 10 + 7$ nên có số trăm là 23 và số chục là 230.

Số đã cho	Số trăm	Chữ số hàng trăm	Số chục	Chữ số hàng chục
1425	14	4	142	2

2307	23	3	230	0
------	----	---	-----	---

4. Giải bài 12 trang 10 SGK Toán lớp 6 tập 1

Viết tập hợp các chữ số của số 2000.

Phương pháp giải:

- Các phần tử của một tập hợp được viết trong hai dấu ngoặc nhọn { }, cách nhau bởi dấu ";" (nếu có phần tử là số) hoặc dấu ",".
- Mỗi phần tử được liệt kê một lần, thứ tự liệt kê tùy ý.

Đáp án:

Trong số 2000 có bốn chữ số là 2 và ba chữ số 0. Nhưng khi viết một tập hợp thì mỗi phần tử chỉ được kể một lần nên tập hợp các chữ số của số 2000 là {0; 2}.

5. Giải bài 13 trang 10 SGK Toán lớp 6 tập 1

- Viết số tự nhiên nhỏ nhất có bốn chữ số.
- Viết số tự nhiên nhỏ nhất có bốn chữ số khác nhau.

Phương pháp giải:

Sử dụng cách ghi số tự nhiên và chọn các chữ số thỏa mãn yêu cầu bài toán.

Lưu ý rằng chữ số hàng nghìn trong số có 4 chữ số luôn phải khác 0.

Đáp án:

- Số tự nhiên nhỏ nhất có bốn chữ số là 1000.

Giải thích: Muốn một số có bốn chữ số là số nhỏ nhất thì chữ số hàng nghìn của nó phải là số nhỏ nhất khác 0, các chữ số còn lại là số nhỏ nhất. Vì thế số có bốn chữ số nhỏ nhất là 1000.

- Số tự nhiên nhỏ nhất có bốn chữ số khác nhau là 1023.

Giải thích: Muốn một số có bốn chữ số khác nhau là số nhỏ nhất thì chữ số hàng nghìn của nó phải là số nhỏ nhất khác 0, do đó nó phải là số 1; chữ số hàng trăm phải là số nhỏ nhất khác 1, do đó nó phải là số 0; chữ số hàng chục phải là số nhỏ nhất khác 0 và 1, do đó nó phải là số 2; tương tự chữ số hàng đơn vị phải là 3.

Vậy số tự nhiên nhỏ nhất có bốn chữ số khác nhau là 1023.

6. Giải bài 14 trang 10 SGK Toán lớp 6 tập 1

Dùng ba chữ số 0, 1, 2, hãy viết tất cả các số tự nhiên có ba chữ số mà các chữ số khác nhau.

Phương pháp giải:

Hướng dẫn: Vì số có ba chữ số nên chữ số hàng trăm phải khác 0. Do đó chữ số hàng trăm chỉ có thể là 1 hoặc 2.

Hãy viết tất cả các chữ số có chữ số hàng trăm là 1 và các chữ số còn lại là 0 và 2; rồi viết tất cả các số có chữ số hàng trăm là 2 và các chữ số còn lại là 0 và 1.

Đáp án:

Các số tự nhiên có ba chữ số mà các chữ số khác nhau có 3 chữ số 0,1,2 là: 102; 120; 201; 210

Hướng dẫn: Vì số có ba chữ số nên chữ số hàng trăm phải khác 0. Do đó chữ số hàng trăm chỉ có thể là 1 hoặc 2. Hãy viết tất cả các chữ số có chữ số hàng trăm là 1 và các chữ số còn lại là 0 và 2; rồi viết tất cả các số có chữ số hàng trăm là 2 và các chữ số còn lại là 0 và 1.

Đáp số: 102; 120; 201; 210.

7. Giải bài 15 trang 10 SGK Toán lớp 6 tập 1

a) Đọc các số La Mã sau: XIV ; XXVI.

b) Viết các số sau bằng số La Mã: 17; 25

c) Cho chín que diêm được sắp xếp như trên hình 8. Hãy chuyển chỗ một que diêm để được kết quả đúng.



Đáp án:

a) ĐS: XIV = 10 + 4 = 14;

$$XXVI = 10 + 10 + 5 + 1 = 26.$$

b) ĐS: $17 = XVII$; $25 = XXV$.

c) Vé phải là $5 - 1 = 4$. Do đó phải đổi vé trái thành 4 bằng cách chuyển que diêm bên phải chữ V sang bên trái.